

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định Quản lý xây dựng, lắp đặt và hoạt động
của trạm thu phát sóng thông tin di động trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 12/2007/TTLT-BXD-BTTTT ngày 11 tháng 12 năm 2007 của Bộ Xây dựng và Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng đối với công trình trạm thu phát sóng thông tin di động ở các đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2012/TT-BXD ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 133/TTr-STTTT ngày 03 tháng 3 Năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định Quản lý xây dựng, lắp đặt và hoạt động của trạm thu phát sóng thông tin di động trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 19/2013/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về Quản lý, cấp giấy phép xây dựng đối với công trình trạm thu phát sóng thông tin di động trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

th

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính Phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Thông tin và Truyền thông;
Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- HĐND các huyện, thành phố;
- Đài PT và TH tỉnh;
- Các DN Viễn thông di động trên địa bàn tỉnh;
- VPUB: PVP (N.V.Nhật), QHXD, VX;
- Lưu: VT, KTN, Hào

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Đại

QUY ĐỊNH

**Quản lý xây dựng, lắp đặt và hoạt động của trạm thu phát sóng
thông tin di động trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 3 năm 2014 của UBND tỉnh Ninh Thuận)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này điều chỉnh việc quản lý xây dựng, lắp đặt và hoạt động đối với các trạm thu phát sóng thông tin di động (sau đây viết tắt là BTS) trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp viễn thông, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng, lắp đặt, quản lý, khai thác sử dụng BTS trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 3. Mục đích, yêu cầu

1. Tăng cường quản lý nhà nước về việc xây dựng, lắp đặt và hoạt động của các BTS trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông phát triển BTS ở các thôn, xã ở miền núi, vùng sâu, vùng xa; thực hiện tốt Chương trình hành động số 145-CTr/TU ngày 19/10/2012 của Tỉnh uỷ về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân địa phương.

2. Các mạng thông tin di động phải ưu tiên sử dụng chung BTS để giảm chi phí đầu tư; bảo đảm cảnh quan môi trường, mỹ quan đô thị, tiết kiệm quỹ đất xây dựng.

3. Các BTS phải bảo đảm chất lượng công trình, bảo đảm an toàn cho người và tài sản khu vực xung quanh.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. BTS loại 1: Là công trình xây dựng bao gồm nhà trạm và cột ăng ten thu, phát sóng thông tin di động được xây dựng trên mặt đất. *tt*

2. BTS loại 2: Là cột ăng ten thu, phát sóng thông tin di động và thiết bị phụ trợ được lắp đặt trên các công trình đã được xây dựng.

Chương II

QUẢN LÝ XÂY DỰNG, LẮP ĐẶT VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BTS

Điều 5. Công tác quản lý xây dựng, lắp đặt BTS

1. Cơ quan có thẩm quyền quản lý xây dựng, lắp đặt và hoạt động của công trình BTS trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận bao gồm: Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Xây dựng, Ban quản lý các khu công nghiệp và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

2. Căn cứ vào quy hoạch phát triển hạ tầng viễn thông thụ động của tỉnh Ninh Thuận, các doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm xây dựng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương của doanh nghiệp và trình Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt.

3. Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, các doanh nghiệp viễn thông phải thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông Ninh Thuận về kế hoạch phát triển BTS và nhu cầu sử dụng đất của năm kế tiếp (Phụ lục 1) để xem xét tổng hợp, đưa vào kế hoạch phát triển hạ tầng mạng viễn thông thụ động của tỉnh.

4. Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, đăng ký Sở Tài nguyên và Môi trường về kế hoạch sử dụng đất xây dựng BTS, thông báo cho Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển BTS trước ngày 31 tháng 12 theo quy định.

5. Để bảo đảm cảnh quan, môi trường, không gian thông thoáng đối với khu vực trung tâm các huyện, thành phố và khu vực trung tâm các xã, phường, thị trấn, quy định bán kính tối thiểu giữa vị trí các trụ ăng ten được xây dựng, lắp đặt cách nhau 500 m không phân loại theo mạng di động nào. Không áp dụng quy định về khoảng cách tối thiểu giữa các trụ ăng ten ở các vùng nông thôn, miền núi nhằm khuyến khích các doanh nghiệp viễn thông tham gia đầu tư xây dựng hạ tầng viễn thông tại các khu vực này.

6. Việc xây dựng, lắp đặt BTS trong mọi trường hợp phải bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận; tuân thủ Quy hoạch phát triển hạ tầng viễn thông thụ động, quy hoạch xây dựng, kiến trúc, cảnh quan đô thị của tỉnh Ninh Thuận; tuân thủ Nghị định số 20/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam, Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng, Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, Thông tư liên tịch số 12/2007/TTLT-BXD-BTTTT ngày 11 tháng 12 năm 2007 của Bộ Xây dựng và Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng đối với công trình trạm thu,

phát sóng thông tin di động ở các đô thị, Thông tư số 10/2012/TT-BXD ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng.

Điều 6. Khu vực phải xin cấp giấy phép xây dựng BTS

Tất cả các khu vực trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đều phải xin cấp giấy phép xây dựng trước khi tiến hành xây dựng, lắp đặt BTS. Trừ các khu vực được miễn giấy phép xây dựng BTS loại 2 theo Điều 8 của Quy định này.

Điều 7. Khu vực xin cấp giấy phép xây dựng tạm cho BTS

Khu vực xin cấp giấy phép xây dựng tạm cho BTS phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Nằm trong khu vực đã có quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch điểm dân cư nông thôn (quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới) được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố nhưng chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phù hợp với mục đích sử dụng đất, mục tiêu đầu tư.

3. Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và các yêu cầu về: Môi trường, phòng cháy chữa cháy, hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện, nước, viễn thông), hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa và đảm bảo khoảng cách đến các công trình dễ cháy, nổ, độc hại, các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

4. Hồ sơ thiết kế xây dựng phải được pháp nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện; thiết kế phải được thẩm định, phê duyệt theo quy định.

5. Phù hợp với quy mô công trình và thời gian thực hiện quy hoạch xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

6. Chủ đầu tư phải có cam kết tự phá dỡ công trình khi thời hạn tồn tại của công trình ghi trong giấy phép xây dựng tạm hết hạn và không yêu cầu bồi thường đối với phần công trình phát sinh sau khi quy hoạch được công bố. Trường hợp không tự phá dỡ thì bị cưỡng chế phá dỡ và chủ đầu tư phải chịu mọi chi phí cho việc phá dỡ công trình.

Điều 8. Những khu vực được miễn giấy phép xây dựng BTS loại 2

BTS loại 2 được xây dựng, lắp đặt trên địa bàn 30 xã thuộc chương trình mục tiêu Quốc gia đưa thông tin về cơ sở, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo được ban hành theo Quyết định số 620/QĐ-BTTTT ngày 31 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc phê duyệt danh sách đơn vị hành chính cấp xã thuộc phạm vi địa bàn chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo giai đoạn 2012 – 2015 thì được miễn giấy phép xây dựng. Trừ các khu vực

trung tâm hành chính của xã. Danh sách quy định các khu vực được miễn giấy phép xây dựng BTS loại 2 (Phụ lục 2) của Quy định này.

Điều 9. Điều kiện khi xây dựng, lắp đặt BTS loại 2 được miễn giấy phép xây dựng

BTS loại 2 được miễn giấy phép xây dựng phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Thuộc các khu vực được quy định tại Phụ lục 2 của Quy định này;
2. Có hợp đồng thuê đặt trạm với chủ công trình;
3. Có hồ sơ thiết kế đã được thẩm định theo quy định bao gồm bản vẽ mặt bằng, mặt cắt, mặt đứng điển hình; mặt bằng móng của công trình; sơ đồ đấu nối kỹ thuật giữa các ăng ten với trụ ăng ten, sơ đồ đấu nối hệ thống chống sét cho BTS đã được thẩm định theo quy định.
4. Bảo đảm tính không cho hoạt động bay, quản lý, bảo vệ vùng trời theo quy định của pháp luật;
5. Tuân thủ yêu cầu về tiếp đất, chống sét, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành;
6. Trước khi tiến hành xây dựng BTS ít nhất 7 ngày, chủ đầu tư phải thông báo bằng văn cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Nội dung thông báo (Phụ lục 3) của Quy định này.

Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ bao gồm các văn bản, giấy tờ nêu trên cho Sở Thông tin và Truyền thông trước khi tiến hành xây dựng BTS để phục vụ công tác quản lý.

7. Đối với BTS dùng chung: Nếu doanh nghiệp viễn thông có nhu cầu lắp đặt thêm trạm phát sóng trên công trình này thì doanh nghiệp phải gửi văn bản báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông Ninh Thuận (Phụ lục 4) trước khi tiến hành lắp đặt thêm thiết bị trên trụ ăng ten đó.

8. Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức kiểm tra vị trí xây dựng, lắp đặt BTS, kiểm tra về Quy chuẩn, Tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đối với hồ sơ thiết kế kỹ thuật BTS. Ban hành văn bản trả lời chủ đầu tư về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận vị trí xây dựng BTS và thông báo kết quả cho các đơn vị liên quan biết để theo dõi, quản lý.

Điều 10. Quản lý về hoạt động của BTS

1. Quản lý về hoạt động của BTS thực hiện theo các quy định: Thông tư số 16/2011/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về kiểm định thiết bị viễn thông và đài vô tuyến điện; Thông tư số 18/2011/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông Ban hành Quy trình kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng; QCVN 41: 2011/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị trạm gốc thông tin di động GSM và các Quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành có liên quan.

2. Trước khi đưa BTS vào sử dụng, khai thác phải được kiểm định nhằm tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn an toàn về phơi nhiễm sóng điện từ trường và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kiểm định thì BTS đó đủ điều kiện hoạt động và đảm bảo an toàn cho người dân.

3. Doanh nghiệp viễn thông phải niêm yết bản sao Giấy chứng nhận kiểm định BTS tại địa điểm xây dựng, lắp đặt trạm để người dân có thể nhận biết BTS đó đã được kiểm định. Đồng thời gửi cho Sở Thông tin và Truyền thông Ninh Thuận 01 bản để phục vụ công tác quản lý.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 11. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Tuyên truyền, phổ biến cho các tổ chức, cá nhân có liên quan hiểu rõ mục đích, yêu cầu của việc xây dựng, lắp đặt các BTS trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Hướng dẫn, yêu cầu các doanh nghiệp viễn thông phối hợp thỏa thuận việc sử dụng chung cơ sở hạ tầng BTS nhằm bảo đảm khoảng cách giữa các trạm theo quy định.

3. Theo dõi, đôn đốc các doanh nghiệp viễn thông thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất về hiện trạng cơ sở hạ tầng BTS, tình hình triển khai, lắp đặt và kế hoạch phát triển các BTS trên địa bàn tỉnh theo quy định.

4. Phối hợp với cơ quan quản lý có thẩm quyền trong công tác kiểm định và công bố sự phù hợp đối với công trình viễn thông trên địa bàn quản lý. Đồng thời, thông báo kết quả kiểm định công trình BTS cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố để theo dõi, quản lý.

5. Tổ chức thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp viễn thông về việc thực hiện công tác kiểm định và công bố sự phù hợp đối với công trình BTS trên địa bàn tỉnh.

6. Phát hiện và phản ánh các vấn đề về an toàn kỹ thuật chuyên ngành viễn thông, báo cáo và đề xuất với Bộ Thông tin và Truyền thông các biện pháp quản lý công trình viễn thông.

7. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan giải quyết khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, cá nhân về các vấn đề có liên quan đến hoạt động của BTS.

Điều 12. Sở Xây dựng

1. Hướng dẫn, tổ chức cấp giấy phép xây dựng, lắp đặt các BTS trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận theo hướng dẫn của Quy định này.

2. Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân về việc xây dựng, lắp đặt BTS trên địa bàn tỉnh theo quy định. *ml*

Điều 13. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Tổ chức cấp giấy phép xây dựng, lắp đặt các BTS trên địa bàn huyện do mình quản lý theo hướng dẫn tại Quy định này.
2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Quy định này cho các tổ chức, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn quản lý.
3. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan để giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt và hoạt động của BTS trên địa bàn huyện, thành phố.

Điều 14. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Ninh Thuận

Tổ chức cấp giấy phép xây dựng BTS thuộc khu công nghiệp, cụm công nghiệp do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Ninh Thuận quản lý.

Điều 15. Doanh nghiệp viễn thông và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xây dựng lắp đặt BTS trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

1. Thực hiện Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.
2. Tham gia tuyên truyền, phổ biến về mục đích, ý nghĩa của việc xây dựng, lắp đặt các BTS.
3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về những vi phạm Quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.
4. Thực hiện đầy đủ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc tuân thủ quy định kiểm định công trình viễn thông.
5. Báo cáo theo yêu cầu của Sở Thông tin và Truyền thông Ninh Thuận theo quy định.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh bằng văn bản về Sở Thông tin và Truyền thông để nghiên cứu, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Đại

Phụ lục 1
DANH SÁCH BTS DỰ KIẾN LẮP ĐẶT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH THUẬN
(Kèm theo công văn số.....)

STT	Toạ độ		Thôn/khu phố	Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố	Hình thức lắp đặt	Phương thức truyền dẫn	Công nghệ
	(2)	(3)						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)	(9)	(10)
	N	E						

Ghi chú:

Cột (8): Xây dựng mới, sử dụng chung cơ sở hạ tầng với đơn vị.....

Cột (9): Ghi rõ phương thức truyền dẫn cáp quang/vi ba/Vệ tinh.

Cột (10): Ghi rõ công nghệ 2G/3G

NGƯỜI LẬP BIỂU
(ký, ghi rõ họ tên)

.....ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên đóng dấu)

Số ĐT cố định:

Số ĐT di động:

Hộp thư điện tử:

Phụ lục 2

Danh sách các khu vực trên địa bàn 30 xã được miễn giấy phép xây dựng BTS loại 2, thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia đưa thông tin về cơ sở, miễn núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo theo Quyết định số 620/QĐ-BTTTT ngày 31/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông

STT	Tên huyện	Tên xã	Khu vực được miễn giấy phép xây dựng BTS loại 2
1	Bác Ái (9 xã)	Phước Bình	Thôn Hành Rạc 1, thôn Hành Rạc 2, thôn Bạc Ray 1, thôn Bạc Ray 2, thôn Bồ Lang
		Phước Hoà	Thôn Tà Lọt
		Phước Tân	Thôn Đá Trắng, thôn Ma Lâm
		Phước Tiến	Thôn Trà Co 1, thôn Suối Rua, thôn Đá Bàn, thôn Mã Tiên, thôn Suối Đá
		Phước Thắng	Thôn Ma Oai, thôn Ma Ty, thôn Hạ Lá Hạ
		Phước Thành	Thôn Suối Lỡ, thôn Đá Ba Cái, thôn Ma Rớt, thôn Ma Dú
		Phước Đại	Thôn Tà Lú 2, thôn Tà Lú 3, thôn Ma Hoa, thôn Châu Đắc
		Phước Chính	Thôn Núi Ray, thôn Suối Khô
		Phước Trung	Thôn Rã Giữa, thôn Tham Dú, thôn Đồng Dày
2	Ninh Sơn (6 xã)	Quảng Sơn	Thôn La Vang 1, thôn Thạch Hà 1, thôn Thạch Hà 2, thôn Hạnh Trí 1, thôn Hạnh Trí 2, thôn Triệu Phong 1, thôn Triệu Phong 2, thôn Lương Giang
		Mỹ Sơn	Thôn Tân Mỹ, thôn Mỹ Hiệp, thôn Phú Thạnh, thôn Phú Thủy, thôn Nha Húi
		Lâm Sơn	Thôn Gòn 1, thôn Gòn 2, thôn Lâm Bình, thôn Tầm Ngân 1, thôn Tầm Ngân 2, thôn Tân Bình, thôn Lập Lá, thôn Lâm Quý, thôn Lâm Hoà
		Lương Sơn	Thôn Trà Giang 1, thôn Trà Giang 2, thôn Trà Giang 4, thôn Tân Lập 1, thôn Tân Lập 2
		Hoà Sơn	Thôn Tân Hoà, thôn Tân Bình, thôn Tân Định, thôn Tân Hiệp, thôn Tân Tiến
		Ma Nối	Thôn Gia Hoa, thôn Gia Rớt, thôn Do, thôn Hà Dài, thôn Tà Nôi

STT	Tên huyện	Tên xã	Khu vực được miễn giấy phép xây dựng BTS loại 2
3	Ninh Hải (2 xã)	Vĩnh Hải	Thôn Cầu Gậy, thôn Đá Hang, thôn Vĩnh Hy, thôn Mỹ Hoà
		Phước Hải	Thôn Phước Cựu 1, thôn Phước Cựu 2
4	Ninh Phước (2 xã)	Phước Thái	Thôn Hoài Trung, thôn Tà Dương, thôn Như Bình, thôn Như Ngọc, thôn Thái Giao, thôn Thái Hoà, thôn Đá Trắng
		Phước Hải	Thôn Từ Tâm 2, thôn Thành Tín, thôn Hoà Thủy
5	Thuận Bắc (5 xã)	Phước Kháng	Thôn Đá Mài Trên, thôn Đá Mài Dưới, thôn Đá Liệt, thôn Suối Le
		Phước Chiến	Thôn Đầu suối A, thôn Ma Trai, thôn động Thông, thôn Tập Lá
		Công Hải	Thôn Suối Giếng, thôn Hiệp Thành, thôn Xóm Đền, thôn Suối Vang, thôn Cà Rôm, thôn Bình Tiên
		Lợi Hải	Thôn Kiềm Kiềm 1, thôn Kiềm Kiềm 2, thôn Suối Đá, thôn Bà Râu 1, thôn Bà Râu 2
		Bắc Sơn	Thôn Láng Me, thôn Xóm Bằng
6	Thuận Nam (6 xã)	Phước Dinh	Thôn Sơn Hải 2, thôn Từ Thiện, thôn Bàu Ngứ
		Phước Minh	Thôn Lạc Tiến, thôn Quán Thê 2, thôn Quán Thê 3
		Phước Hà	Thôn Trà Nô, thôn Là A, thôn Rồ Ôn, thôn Tân Hà
		Phước Diêm	Thôn Lạc Tân 2, thôn Lạc Tân 3, thôn Thương Diêm 1, thôn Thương Diêm 2
		Phước Nam	Thôn Văn Lâm 1, thôn Văn Lâm 2, thôn Văn Lâm 4, thôn Phước Lập, thôn Nho Lâm, thôn Tam Lang
		Nhị Hà	Thôn Nhị Hà 2, thôn Nhị Hà 3

45

Phụ lục 3

(Tên chủ đầu tư ...)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

THÔNG BÁO
Về việc lắp đặt trạm BTS

Kính gửi: UBND phường (xã):.....

(Tên chủ đầu tư lắp đặt trạm BTS)

Địa chỉ:

Điện thoại:

Có giấy đăng ký kinh doanh số:.....docấp

Đã ký hợp đồng số:, ngày:..... thuê vị trí để lắp đặt trạm BTS
với(tên đơn vị hoặc hộ gia đình cho thuê)...., địa chỉ tại:

(Tên chủ đầu tư).....xin thông báo với UBND phường (xã).....

....., (chủ đầu tư) sẽ dự định lắp đặt trạm BTS
tại vị trí thuê nêu trên vào khoảng thời gian từ ngày..... đến
ngày.....

Đề nghị UBND phường (xã) tạo điều kiện và giúp đỡ (đơn vị) hoàn thành
tốt việc lắp đặt này. (chủ đầu tư) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định có
liên quan của Nhà nước.

Xin chân thành cảm ơn./.

....., Ngàytháng.....năm.....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên đóng dấu)

Phụ lục 4
BTS DỰ KIẾN LẮP ĐẶT TRÊN CÔNG TRÌNH BTS DÙNG CHUNG HẠ TẦNG
(Kèm theo công văn số:.....)

STT	Tọa độ		Thôn/khu phố	Xã/phường/thị trấn	Huyện/thành phố	Hình thức lắp đặt	Phương thức truyền dẫn	Công nghệ
	(2)	(3)						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)	(9)	(10)
	N	E						

Ghi chú:

Cột (8): Xây dựng mới, sử dụng chung cơ sở hạ tầng với đơn vị.....

Cột (9): Ghi rõ phương thức truyền dẫn cáp quang/vi ba/Vệ tinh.

Cột (10): Ghi rõ công nghệ 2G/3G

NGƯỜI LẬP BIỂU

(ký, ghi rõ họ tên)

.....ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký tên đóng dấu)

Số DT cố định:

Số DT di động:

Hộp thư điện tử: